

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm hơn 52 điểm hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,646.89 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Du lịch & giải trí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên hai sàn còn lại. Thị trường chung bị kéo xuống bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn; nhà đầu tư nên quản trị rủi ro và giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là quanh 1,625, tương đương Fibonacci 0.236

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-52.01** điểm, đóng cửa tại **1646.89** điểm. HNX-Index **-5.78** điểm, đóng cửa tại **250.09** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **PNJ (+0.16)**, **BMP (+0.13)**, **QCG (+0.08)**, **TMS (+0.04)**, **PDN (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-6.66)**, **VPB (-2.98)**, **VPL (-2.62)**, **TCB (-2.37)**, **VIC (-1.91)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,160** tỷ đồng, tăng **59.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,746 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 61.82 điểm. Thị trường có **40** mã tăng, 37 mã tham chiếu, **296** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-594.08** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-182.96 tỷ)**, **VCB (-104.94 tỷ)**, **ACB (-96.86 tỷ)**, **VPX (-77.81 tỷ)**, **STB (-67.35 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **29.55** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-3.70%**.
- BSC50 **-3.53%**. Các mã diễn biến tích cực:

BMP (+3.71%)

[\(Link báo cáo\)](#)

PNJ (+2.05%)

[\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-3.70%	-3.53%	-3.06%	-2.98%
1 tuần	-2.81%	-2.95%	-5.42%	-5.49%
1 tháng	-1.50%	-2.44%	0.92%	-0.28%
3 tháng	-6.72%	-8.87%	-1.22%	0.08%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,646.89	250.09	119.26
% 1D	-3.06%	-2.26%	-0.61%
GTKL (tỷ VND)	22,160	1,623	692
%1D	59.46%	97.84%	17.89%
GDNN (tỷ VND)	-594.08	29.55	7.22

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	87.72	VIC	-182.96
VRE	61.97	VCB	-104.94
SSI	59.10	ACB	-96.86
CII	55.70	VPX	-77.81
CTG	50.11	STB	-67.35

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

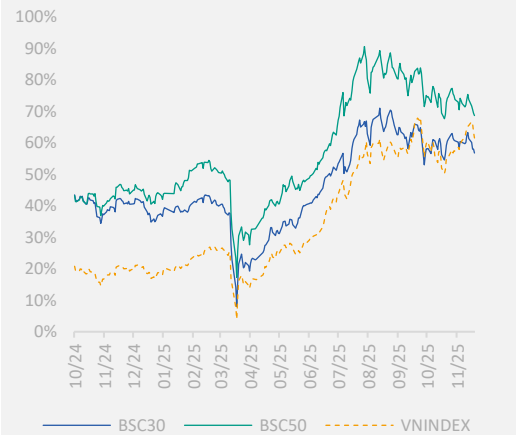
		%D	%W
SPX	6,901	0.21%	0.64%
FTSE100	9,753	0.52%	0.89%
Eurostoxx	5,786	0.59%	0.72%
Shanghai	3,889	0.41%	-0.34%
Nikkei	50,837	1.37%	0.75%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.66	0.14%
Giá vàng	4,303	-0.09%
Tỷ giá		
USD/VND	26,405	-0.02%
EUR/VND	31,662	0.28%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	-0.01%
LS LNH 1M	7.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

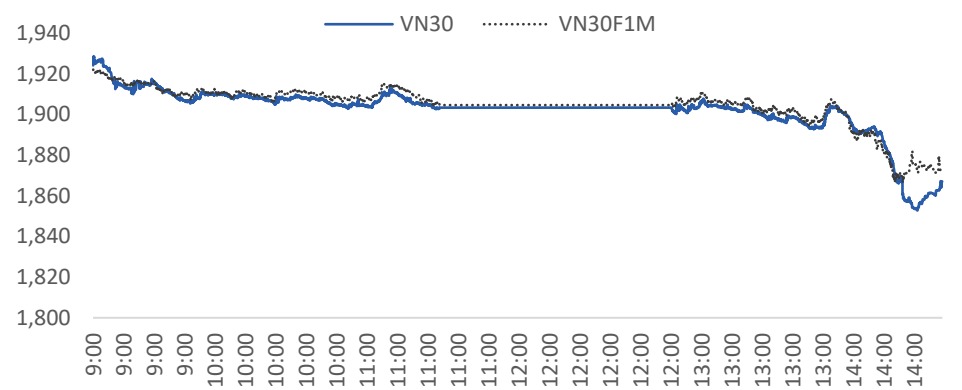
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1870.00	-2.40%	1,721	29.0%	15/01/2026	34
41I1G6000	1870.00	-2.15%	40	25.0%	18/06/2026	188
VN30F2512	1871.00	-2.51%	309,429	-7.6%	18/12/2025	6
41I1G3000	1871.90	-2.30%	123	38.20%	19/03/2026	97

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -57.26 điểm, đóng cửa tại 1867.03 điểm. Biên độ dao động 64.56 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VHM, FPT, VPB, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trước áp lực bán gia tăng từ đầu phiên. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2507	3/04/2026	112	18,500	32.71%	21.00	490	53.1%	0.04	22.96	17.30	17.30
CHPG2534	25/06/2026	195	41,800	35.04%	31.11	1,000	31.6%	0.28	35.11	26.00	26.00
CVRE2524	25/06/2026	195	302,500	49.68%	35.89	1,300	30.0%	0.21	41.09	27.45	27.45
CVNM2509	23/02/2026	73	53,600	15.70%	66.48	430	26.5%	0.09	69.65	60.20	60.20
CFPT2503	26/03/2026	104	386,500	65.71%	153.64	190	18.8%	0.00	155.27	93.70	93.70
CSHB2509	3/04/2026	112	225,000	11.95%	13.47	2,510	16.7%	1.73	17.91	16.00	16.00
CHDB2506	24/02/2026	74	18,400	18.51%	33.00	930	10.7%	0.27	35.79	30.20	30.20
CVHM2521	25/05/2026	164	700	122.46%	115.68	2,280	5.6%	0.00	133.92	60.20	60.20
CTCB2517	25/06/2026	195	12,000	61.32%	45.58	1,240	3.3%	0.08	51.62	32.00	32.00
CSHB2513	25/03/2026	103	442,200	36.42%	20.57	630	1.6%	0.12	21.83	16.00	16.00
CSTB2525	23/07/2026	223	600	37.13%	57.20	1,470	1.4%	0.61	63.08	46.00	46.00
CSTB2536	16/10/2026	308	100	52.70%	64.00	1,040	1.0%	0.36	70.24	46.00	46.00
CVPB2523	24/02/2026	74	4,900	20.00%	28.00	1,930	0.5%	0.56	31.86	26.55	26.55
CVJC2505	3/03/2026	81	6,100	-1.91%	106.87	3,730	0.3%	3.96	181.47	185.00	185.00
CFPT2508	5/02/2026	55	15,800	46.48%	136.57	100	0.0%	0.00	137.26	93.70	93.70
CFPT2522	25/12/2025	13	4,000	26.00%	115.59	100	0.0%	0.00	118.06	93.70	93.70
CMBB2514	23/12/2025	11	200	5.94%	18.00	3,300	0.0%	2.68	25.43	24.00	24.00
CMWG2508	23/02/2026	73	500	10.89%	71.96	1,530	0.0%	0.92	87.05	78.50	78.50
CMWG2523	9/03/2026	87	1,157,600	11.44%	74.60	3,220	0.0%	1.97	87.48	78.50	78.50
CSSB2509	25/06/2026	195	65,300	58.47%	26.46	240	0.0%	0.01	27.42	17.30	17.30

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 12/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
 - CSSB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 53.13%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.78%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVHM2524, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
BCM	65.30	0.15%	0.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	78.50	-4.62%	-6.71
VHM	94.10	-6.92%	-6.02
FPT	93.70	-2.40%	-5.39
VPB	26.55	-5.68%	-5.27
TCB	32.00	-4.19%	-3.82

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNJ	89.80	2.05%	0.16	0.34
BMP	176.00	3.71%	0.13	0.08
QCG	17.60	6.99%	0.08	0.28
TMS	40.90	2.51%	0.04	0.17
PDN	98.90	1.96%	0.03	0.06

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	50.50	9.31%	0.14	0.05
GMA	44.00	7.32%	0.04	0.02
SJ1	14.40	8.27%	0.03	0.04
PCT	10.40	5.05%	0.02	0.05
KSV	113.00	0.09%	0.01	0.20

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QCG	17.60	6.99%	0.08	6.64
MDG	24.05	6.89%	0.00	0.00
FUCTVGF3	15.80	6.04%	0.00	0.00
NNC	61.90	4.56%	0.01	0.11
SGT	16.85	4.33%	0.03	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ONE	5.80	9.43%	0.02	0.06
PGS	50.50	9.31%	0.92	0.00
D11	11.80	9.26%	0.04	0.05
PTD	8.60	8.86%	0.01	0.00
SJ1	14.40	8.27%	0.20	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	94.10	-6.92%	-6.66	4.11
VPB	26.55	-5.68%	-2.98	7.93
VPL	84.70	-6.92%	-2.62	1.79
TCB	32.00	-4.19%	-2.37	7.09
VIC	144.00	-1.37%	-1.91	3.88

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	89.00	-6.12%	-0.76	0.23
CEO	22.10	-8.68%	-0.65	0.57
MBS	26.30	-5.73%	-0.59	0.66
NVB	13.30	-3.62%	-0.55	1.92
SHS	20.30	-4.25%	-0.46	0.90

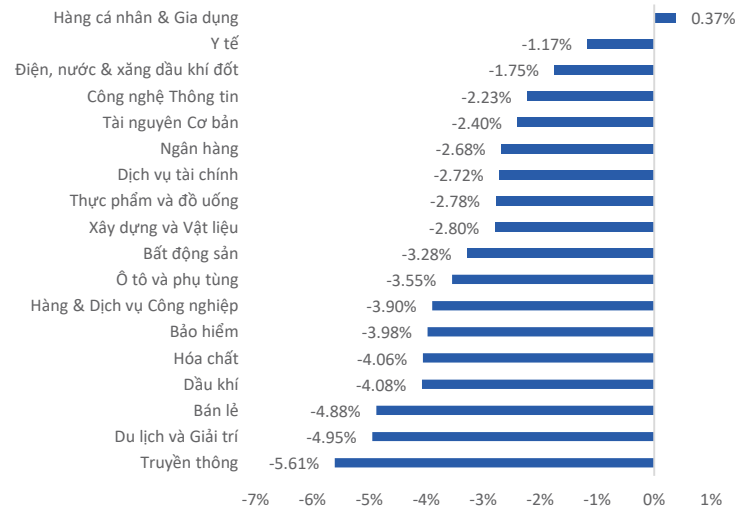
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPG	5.58	-7.00%	-0.01	0.28
LDG	4.52	-7.00%	-0.02	5.58
HII	6.92	-6.99%	-0.01	1.16
NVL	13.35	-6.97%	-0.44	12.52
EIB	20.70	-6.97%	-0.62	8.87

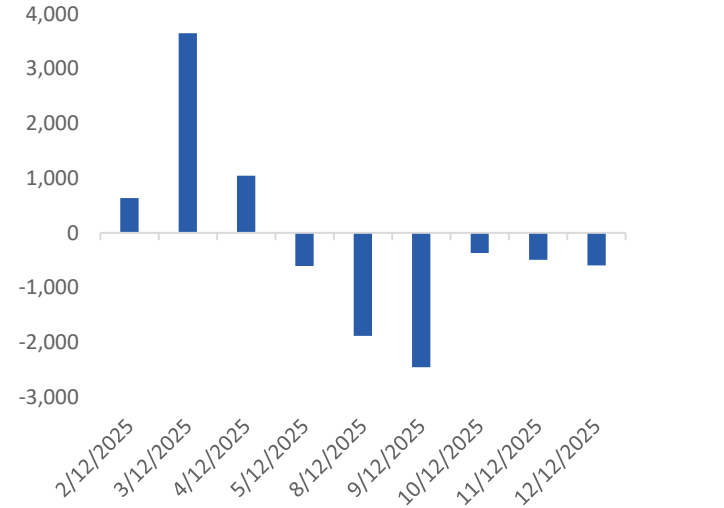
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	105.40	-9.91%	-0.67	0.00
KST	14.80	-9.76%	-0.03	0.00
VTC	19.80	-9.59%	-0.03	0.00
HTC	32.40	-9.50%	-0.20	0.00
GKM	2.00	-9.09%	-0.02	0.43

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.5	-4.6%	1.3	121,677	845.6	3,955	20.8	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	32.4	-4.7%	1.5	31,973	170.7	1,872	18.1	46,000	10.1%	Link
KDH	Bất động sản	30.5	-6.2%	1.1	36,472	204.7	857	37.9	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	19.7	-6.9%	1.7	20,723	365.7	211	100.2	28,200	8.6%	Link
VHM	Bất động sản	94.1	-6.9%	1.4	415,259	650.7	6,133	16.5	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.7	-2.4%	0.7	163,537	535.7	5,280	18.2	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	13.5	-5.3%	0.0	71,354	95.7	413		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	30.2	-3.5%	1.3	16,007	129.7	2,841	11.0	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.4	-2.6%	1.3	24,785	279.1	1,375	16.7		34.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	28.1	-3.3%	1.3	72,366	671.0	1,878	15.5		31.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	32.7	-4.4%	1.3	24,713	306.4	1,589	21.5		14.8%	
DCM	Hóa chất	32.2	-3.3%	1.1	17,629	49.0	3,578	9.3	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	92.0	-2.8%	0.9	35,927	282.3	8,296	11.4	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.5	-1.9%	0.8	123,023	346.6	3,385	7.1	28,400	28.8%	Link
BID	Ngân hàng	37.0	-1.6%	0.8	264,003	70.0	3,781	9.9	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	49.5	-1.2%	1.0	269,037	452.9	6,208	8.1	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	30.2	-4.9%	1.3	122,536	547.8	3,646	8.7	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	-3.4%	1.1	200,167	533.2	3,017	8.2	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	-3.1%	1.1	39,936	119.0	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	46.0	-3.6%	1.0	89,925	520.4	6,519	7.3		14.6%	
TCB	Ngân hàng	32.0	-4.2%	1.2	236,680	738.3	3,112	10.7	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.4	-2.7%	1.1	46,604	152.2	2,358	7.1	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	-1.4%	0.7	481,287	280.5	4,202	13.7	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	17.3	-4.4%	1.0	61,613	179.5	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	26.6	-5.7%	1.4	223,340	1170.3	2,603	10.8	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	-2.1%	1.0	203,784	1371.9	1,876	14.2	33,170	19.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	-6.1%	1.3	10,184	69.2	1,178	13.9	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.6	-2.6%	0.9	10,507	138.4	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.5	-3.4%	1.2	110,034	743.0	2,196	34.7	98,300	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.2	-2.1%	0.6	128,532	271.5	4,160	14.8	64,500	50.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.2	-4.97%	1.1	9,123	74.2	2,411	17.1	23.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	140.0	-6.67%	1.1	25,545	183.0	3,620	41.4	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.0	-4.76%	0.8	40,531	30.8	3,578	15.3	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.1	-6.96%	1.3	15,451	274.5	507	38.3	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.8	-6.94%	1.5	20,023	398.8	400	45.0	19.2%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.0	-4.00%	1.4	4,994	89.2	3,057	8.2	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.1	-6.95%	1.5	11,173	78.5	938	32.2	20.7%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	35.6	-3.78%	1.2	14,041	68.9	4,849	7.6	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	32.9	-5.46%	1.2	16,885	69.7	2,138	16.3	45.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	53.0	-1.85%	1.1	13,074	7.2	5,474	9.9	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.0	-3.97%	1.2	5,436	14.2	1,763	17.1	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.6	-6.77%	1.5	18,197	136.9	801	24.9	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	144.0	-1.37%	1.0	1,125,081	664.0	1,147	127.3	3.6%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	27.5	-6.95%	1.7	67,033	418.2	2,144	13.8	13.5%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.8	-2.32%	0.8	7,760	8.4	1,833	20.0	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.7	-2.03%	0.7	43,708	55.1	2,090	16.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.6	-4.45%	1.1	13,730	208.7	1,602	15.4	8.6%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.0	-2.88%	1.1	11,417	48.9	1,262	26.1	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.3	-5.73%	1.6	18,378	115.4	1,671	16.7	4.5%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.3	-2.08%	0.6	151,051	37.3	5,014	12.5	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.6	-4.55%	0.9	37,121	223.8	682	17.7	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	-0.64%	0.7	33,962	10.6	4,776	13.1	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	185.0	-1.60%	0.8	111,223	370.2	2,897	64.9	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.0	-6.92%	1.5	37,811	614.0	2,313	18.1	7.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.4	-1.03%	1.0	24,737	77.6	3,499	16.6	42.6%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-4.44%	0.8	9,895	115.7	6,185	9.5	6.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.4	-3.33%	0.9	8,459	68.1	2,090	8.6	9.5%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.8	-0.21%	0.0	11,813	37.3	3,139	30.9	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.8	2.05%	0.7	30,021	73.4	6,916	12.7	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.6	-2.03%	0.8	3,042	30.2	2,535	10.7	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.0	-2.70%	1.2	2,382	18.2	2,866	6.5	16.6%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.0	-2.65%	1.0	15,366	76.6	1,212	18.6	3.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	25.3	-5.07%	1.6	106,600	75.2	1,569	17.0	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	20.7	-6.97%	1.1	41,446	190.1	1,635	13.6	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.2	-0.67%	0.9	132,934	69.3	3,469	12.8	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.1	-2.08%	0.0	24,706	35.2	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.9	-2.46%	0.9	32,489	30.7	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.6	-6.41%	1.3	6,982	112.0	571	27.3	4.8%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.7	-3.44%	1.2	7,362	65.0	2,829	9.8	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	-0.85%	0.7	10,717	116.3	1,715	20.6	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.0	-4.40%	0.6	67,078	134.1	3,373	15.5	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.0	-1.08%	0.9	12,480	44.2	6,944	8.0	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	176.0	3.71%	0.2	13,892	55.5	14,639	11.6	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.0	-4.76%	1.0	8,520	63.3	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.8	-1.90%	0.8	9,654	34.2	5,128	16.5	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.2	-3.29%	1.1	4,294	50.9	3,037	14.0	5.7%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.7	-4.86%	1.3	7,163	95.1	1,106	13.0	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.6	-4.19%	1.1	8,843	87.1	1,377	15.6	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.1	-5.13%	1.0	15,742	150.9	6,148	4.0	4.7%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.6	-3.79%	1.2	18,920	40.5	3,090	13.7	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>